

10 ĐỀ THI HỌC KỲ 1 TOÁN LỚP 5 NĂM 2016-2017

ĐỀ SỐ 1

A. PHẦN TRẮC NGHIỆM (3 điểm)

Khoanh vào chữ cái đứng trước ý trả lời đúng:

Câu 1: Chữ số 3 trong số thập phân 24,135 có giá trị là:

A. $\frac{3}{10}$

B. $\frac{3}{100}$

C. $\frac{3}{1000}$

Câu 2: Hỗn số $8\frac{5}{100}$ bằng số thập phân nào trong các số sau :

A. 8,05

B. 8,5

C. 8,005

Câu 3: $35\text{m}^2 - 7\text{dm}^2 = \dots\dots\dots\text{m}^2$. Số thích hợp viết vào chỗ chấm là:

A. 3,57

B. 35,07

C. 35,7

Câu 4: Số lớn nhất trong các số 5,798 ; 5,897 ; 5,978 ; 5,879 là:

A. 5,978

B. 5,798

C. 5,897

Câu 5: Phép nhân nhẩm $34,245 \times 100$ có kết quả là:

A. 3,4245

B. 34245

C. 3424,5

Câu 6 : 20% của 520 là:

A. 401

B. 104

C. 140

B. PHẦN TỰ LUẬN (7 điểm)

Bài 1: (2 điểm) Đặt tính rồi tính:

a) $36,75 + 89,46$

b) $351 - 138,9$

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

c) $60,83 \times 47,2$

d) $109,44 : 6,08$

.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....

Bài 2: (2 điểm) Tìm X:

a/ $X \times 100 = 41,87$

b/ $0,48 : X = 1,2$

.....
.....
.....
.....

Bài 3: (2 điểm) Một mảnh vườn có nửa chu vi là 15,4 m, chiều rộng bằng $\frac{2}{3}$ chiều dài. Tính chiều dài, chiều rộng của mảnh vườn đó?

.....
.....
.....
.....

Bài 4: (1 điểm) Tính tỉ số phần trăm của hai số 60 và 24.

.....
.....
.....

ĐÁP ÁN ĐỀ SỐ 1

A. PHẦN TRẮC NGHIỆM (3 điểm)

Thực hiện đúng mỗi phần cho 0,5 điểm

Đ/a: 1 – B; 2 – A; 3 – C; 4 – A; 5 – D; 6 – C

B. PHẦN TỰ LUẬN (7 điểm)

Bài 1: 2 điểm - Đúng mỗi phép tính cho 0,5 điểm

Đ/a: a/ 126,61; b/ 212,1; c/ 2871,176; d/ 18

Bài 2: 2 điểm - Đúng mỗi phép tính cho 1 điểm

Đ/a: a/ $X = 1,1148$; b/ $X = 0,4$

Bài 3: 2 điểm

- Câu lời giải đúng, viết phép tính và tính đúng của mỗi phép tính:

Tổng số phần bằng nhau là:

$$2 + 5 = 7 \text{ (phần)}$$

Chiều rộng là:

$$15,4 : 7 \times 2 = 4,4 \text{ (m)}$$

Chiều dài là:

$$15,4 - 4,4 = 11 \text{ (m)}$$

Đáp số: Chiều dài: 11 m

Chiều rộng: 4,4 m

Bài 4: 1 điểm – Tìm đúng tỉ số % đạt 1 điểm: $60 : 24 \times 100 = 250\%$

Đ/s: 250 %

ĐỀ SỐ 2

Bài 1: Khoanh vào chữ cái trước câu trả lời đúng nhất:

a. Hỗn số $5\frac{1}{5}$ chuyển thành số thập phân là:

- A. 5,02 B. 5,15 C. 5,2 D. 5,26

b. Giá trị của chữ số 5 trong số 63,539 là:

- A. 500 B. $\frac{5}{10}$ C. $\frac{5}{100}$ D. $\frac{5}{1000}$

c. Số lớn nhất trong các số: 9,85; 9,58; 98,5; 8,95 là:

- A. 9,85 B. 9,58 C. 98,5 D. 8,95

d. Phân số $\frac{45}{100}$ viết dưới dạng số thập phân là:

- A. 0,45 B. 4,5 C. 0,045 D. 450

Bài 2. Điền số thích hợp vào chỗ chấm:

- a. 9km 78m =m b. 5m² 64dm² =dm²
c. 5 kg 23 g =kg d. 231 ha = Km²

Bài 3. Điền dấu (>; <; =) thích hợp vào chỗ chấm.

- a. 32,10.....320 b. 5,055,050
c. 45,145,098 d. 79,12.....32,98

Bài 4: Đặt tính rồi tính.

- a. 35,124 + 24,682 b. 17,42 – 8,624 c. 12,5 × 2,3 d. 19,72: 5,8

.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....

Bài 5. Lớp 5B có 32 học sinh, trong đó số học sinh 10 tuổi chiếm 75%, còn lại là học sinh 11 tuổi. Tính số học sinh 11 tuổi của lớp học đó.

Bài giải.

.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....

Bài 6. Một tấm bìa hình chữ nhật có chiều dài 6,5 dm, chiều rộng kém chiều dài 2,25dm. Tính diện tích tấm bìa hình chữ nhật đó?

Bài giải.

.....
.....
.....
.....
.....
.....

Bài 7. Tính bằng cách thuận tiện nhất.

a. $4,7 \times 5,5 - 4,7 \times 4,5$

b. $23,5 \times 4,6 + 23,5 \times 5,4$

.....
.....
.....
.....
.....
.....

ĐÁP ÁN ĐỀ SỐ 2

Bài	Đáp án	Điểm	Hướng dẫn chấm
1	a) C; b) B; c) C; d) A;	1	Mỗi câu chọn đúng được 0,25 điểm
2	a) 9km 78m = 9078 m b) 5m ² 64dm ² = 564 dm ² c. 5kg 23 g = 5,023kg d) 231ha = 2,31 km ²	1	Mỗi câu điền đúng được 0,25 điểm
3	a. 32, 10 < 320 b. 5,05 = 5,050 c. 45,1 > 45,098 d. 79,12 > 32,98	1	Mỗi câu điền đúng được 0,25 điểm
4	$\begin{array}{r} \text{a. } 35,124 \\ +24,682 \\ \hline 10,442 \end{array}$ $\begin{array}{r} 17,42 \\ - 8,624 \\ \hline 8,796 \end{array}$ $\begin{array}{r} 12,5 \\ \times 2,3 \\ \hline 375 \\ \\ \hline 2875 \end{array}$ $\begin{array}{r} 19,72 \\ 232 \\ \hline 0 \end{array} \begin{array}{l} 5,8 \\ 3,4 \end{array}$	2	Mỗi câu làm đúng được 0,5 điểm
5	<p style="text-align: center;"><u>Bài giải</u></p> Số học sinh 10 tuổi của lớp 5B là. (0,25đ) $32 : 100 \times 75 = 24$ (Học sinh) (0,25đ) Số học sinh 11 tuổi của lớp 5B là. (0,25đ) $32 - 24 = 8$ (Học sinh) (0,25đ) Đáp số : 8 Học sinh (0,25đ)	1,25	Phép tính đúng, lời giải sai không ghi điểm. Phép tính sai, lời giải đúng ghi điểm lời giải. Sai đơn vị trừ toàn bài 0,5điểm
6	<p style="text-align: center;"><u>Bài giải</u></p> Chiều rộng của tấm bìa hình chữ nhật đó là: (0,25đ) $6,5 - 2,25 = 4,25$ (dm) (0,5đ) Diện tích của tấm bìa hình chữ nhật đó là: (0,25đ) $6,5 \times 4,25 = 27,625$ (dm ²) (0,5đ) Đáp số: 21,5 dm; 27,625 dm ² (0,25đ)	1,75	Phép tính đúng, lời giải sai không ghi điểm. Phép tính sai, lời giải đúng ghi điểm lời giải. Sai đơn vị trừ toàn bài 0,5điểm
7	a. = $4,7 \times (5,5 - 4,5)$ (0,5 điểm) = $4,7 \times 1$ (0,25 điểm) = 4,7 (0,25 điểm) b. = $23,5 \times (4,6 + 5,4)$ (0,5 điểm) = $23,5 \times 10$ (0,25 điểm) = 235 (0,25 điểm)	2	HS không sử dụng tính chất giao hoán và tính chất kết hợp để thực hiện phép tính thì không ghi điểm.

ĐỀ SỐ 3

I. Trắc nghiệm: Khoanh vào chữ đặt trước ý trả lời đúng .

Bài 1. Tìm chữ số x, biết: $5,6x1 > 5,681$

- A. $x = 9$ B. $x = 7$ C. $x = 1$ D. $x = 0$

Bài 2. 6 tấn 43kg = tấn. Số thích hợp điền vào chỗ chấm (...) là:

- A. 6,43 B. 6,043 C. 64,3 D. 0,643

Bài 3. Lớp 5A có 15 bạn nam và 20 bạn nữ. Tỷ số phần trăm của số bạn nam và số bạn nữ của lớp 5A là:

- A. 15% B. 75%. C. 20% D. 21%

Bài 4. Chữ số 6 trong số thập phân 2,697 có giá trị là:

- A. $\frac{6}{10}$ B. $\frac{6}{1000}$ C. $\frac{6}{100}$ D. 6

Bài 5. $7\frac{6}{100}$ viết dưới dạng số thập phân là:

- A. 0,76 B. 7,6 C. 7,06 D. 7,006

Bài 6. Số lớn nhất trong các số: 4,23; 4,32; 4,4; 4,321

- A. 4,23 B. 4,32 C. 4,4 D. 4,321

II. Tự luận:

Bài 1: Đặt tính rồi tính

- a) $146,34 + 521,85$ b) $745,5 - 14,92$ c) $25,04 \times 3,5$ d) $77,5 : 2,5$

.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....

Bài 2: Tìm y: $0,8 \times y = 1,2 \times 10$

.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....

Bài 3: Bạn Nam có tất cả 48 viên bi, trong đó có bi đỏ chiếm 75%, còn lại là bi xanh. Hỏi bạn Nam có bao nhiêu viên bi xanh?

.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....

Bài 4: Một tấm bìa hình chữ nhật có chiều dài 7,5 dm, chiều rộng kém chiều dài 2,25dm. Tính chu vi tấm bìa hình chữ nhật đó?

.....
.....
.....
.....
.....

.....

.....

Luyện thi AMAX

ĐÁP ÁN ĐỀ SỐ 3

I. Trắc nghiệm: Khoanh vào chữ đặt trước ý trả lời đúng. (3đ):

Khoanh đúng mỗi bài (0,5 đ)

II. Tự luận: (7 điểm)

Bài 1: (2 đ): Đặt tính và tính đúng, ghi 0.5 điểm/ phép tính.

Tính đúng nhưng chưa đặt tính, ghi 0.25 điểm/ phép tính

Bài 2 (1đ)

$$0,8 \times y = 1,2 \times 10$$

$$0,8 \times y = 12 \text{ (0,5 đ)}$$

$$y = 12 : 0,8$$

$$y = 15 \text{ (0,5 đ)}$$

Bài 3: (1,5 đ)

Bài giải

Số bi đỏ có là :

$$48 \times 75 : 100 = 36 \text{ (viên) (0,75đ)}$$

Số bi xanh có là :

$$48 - 36 = 12 \text{ (viên) (0,5 đ)}$$

Đáp số: 12 (viên) (0,25 đ)

Bài 4: (1,5 điểm)

Bài giải

Chiều rộng của tấm bìa hình chữ nhật đó là:

$$7,5 - 2,25 = 5,25 \text{ (dm) (0,5đ)}$$

Chu vi của tấm bìa hình chữ nhật đó là:

$$(7,5 + 5,25) \times 2 = 25,5 \text{ (dm) (0,75đ)}$$

Đáp số: 25,5 dm (0,25 đ)

Bài 5: (1 điểm)

$$56,8 \times 76,9 - 56,8 \times 76,8$$

$$= 56,8 \times (76,9 - 76,8)$$

$$= 56,8 \times 0,1$$

$$= 5,68$$